

Số: **169** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **21** tháng **02** năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 14 tháng 02 năm 2024 đến ngày 20 tháng 02 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, đêm không mưa; ngày nắng, riêng miền Đông có nơi nắng nóng. Gió đông cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 23°C - 26°C, nhiệt độ cao nhất từ 32°C - 35°C, có nơi trên 35°C.

Dự báo tuần tới: Ngày nắng, có nơi nắng nóng; đêm không mưa. Nhiệt độ trung bình từ: 26,5°C - 27,5°C. Giá trị tổng lượng mưa <5 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

STT	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	65,0
2	Đẻ nhánh	15,0
3	Làm đòng	1.119,0
4	Trổ	2.358,0
5	Chín	503,0
6	Thu hoạch	197,0
	Tổng	4.257,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024		6.482,7	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.268
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.643,7	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	785
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	545,9	3. Cây lương thực		438,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	452,3	Bắp	Sinh trưởng	409,1
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	221,5	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	198,0	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.460,8
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.844,4			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn						
			13/02	14/02	15/02	16/02	17/02	18/02	19/02
1	Củ Chi	Thái Mỹ	11	54	146	128	92	84	112
		Trung Lập Thượng	18	21	14	16	18	21	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM,CC
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	CC,HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	CC,HM
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC,HM
5	Chuột	3			Các giai đoạn	CC
6	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM,CC
7	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhày	2-120			1-5	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM,Q12,BC,BT,CC
3	Sâu tơ	3-12			1-5	HM,Q12,BC,BT, TĐ
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC,CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC,HM,CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM,Q12,TĐ
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC,CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
19	Đốm lá	2-5			1-3	BC,HM,Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.272,7 ha, tăng 15,1 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

+ Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 92,5 ha, tăng 1,6 so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Bọ xít hôi: Diện tích nhiễm 84,9 ha, tăng 24,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 813,0 ha, giảm 20,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Chuột: Diện tích nhiễm 114,0 ha, tăng 19,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 88,3 ha, giảm 4,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Bệnh đốm vằn: Diện tích 75,0 ha, tăng 4,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024 trong tuần qua 613,1 ha, tăng 2,1 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 373,5 lượt ha, chiếm 60,9% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, bọ nhậy, rầy xám, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 119,6 ha, tăng 1,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 68,7 ha, giảm 1,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 31,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 28,4 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 23,7 ha, giảm 0,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Ruồi đục trái: Diện tích nhiễm 18,8 ha, tăng 3,0 so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Bình Chánh.

- Sâu tơ: Diện tích nhiễm 17,4 ha, tăng 0,5 so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, Bình Chánh.

- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 28,7 ha, giảm 0,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh thối nhũn: Diện tích 6,8 ha, giảm 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

c) Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

- Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 3 - tuổi 4 với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của rầy trên đồng để có biện pháp quản lý hiệu quả đối tượng này.

- Với điều kiện thời tiết như hiện nay sáng sớm có sương mù, trời se lạnh, nhiệt độ chênh lệch ngày và đêm cao cần chú ý bệnh đạo ôn trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng, trổ. Ở những ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm hoặc đã nhiễm đạo ôn lá nên chủ động phun ngừa để hạn chế bệnh phát triển, lây lan. Tiến hành phun 2 lần khi lúa trổ lác đác và phun lại lần 2 khi lúa trổ đều. Áp dụng nguyên tắc 4 đúng khi phun thuốc.

- Chú ý chuột gây hại trên lúa giai đoạn đòng trổ- chín. Áp dụng các biện pháp diệt chuột mang tính cộng đồng, triển khai trên diện rộng để đạt hiệu quả cao.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- Cây bắp: cần lưu ý sâu keo mùa thu ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ.

- Cây dứa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vuron lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KH-CN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **169/BC-CCTBVT**, ngày **02** tháng **02** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	92,5			92,5	90,9	72,1		HM,CC
2	Bọ xít hôi	84,9			84,9	60,1	79,6		HM,CC
3	Sâu phao	5,0			5,0	15	0,5		CC,HM
4	Đạo ôn	88,3			88,3	92,6	76		HM,CC
5	Đốm vằn	75			75	71	53		CC
6	OBV	813			813	833	858		CC,HM
7	Chuột	114			114	95	85,2		CC
	Tổng	1.272,7			1.272,7	1.257,6	1.225,4		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 160/BC-CCTTBVT, ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỹ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	18,6			18,6	18,9	25,8	13,0	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	68,7			68,7	69,9	59,6	46,9	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	17,4			17,4	16,9	15,9	11,6	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	28,4			28,4	28,4	15,4	16,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	119,6			119,6	118,0	117,5	81,6	TĐ, HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	31,6			31,6	31,6	15,8	20,6	BC, CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,2	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	23,7			23,7	23,9	12,6	12,5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	14,1			14,1	14,8	24,0	7,5	HM, Q12, TĐ
11	Bọ phấn	9,0			9,0	9,0	7,0	6,0	CC
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	1,1	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0		TĐ
14	Ruồi đục trái	18,8			18,8	15,8	11,4	11,8	BC, CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	208,5	110,1	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cài	6,8			6,8	6,9	9,5	4,1	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	28,7			28,7	29,3	35,8	20,5	TĐ, HM, Q12, BC, BT, CC
19	Đóm lá	4,4			4,4	4,1	9,2	3,4	BC, HM, Q12
20	Ph. vàng/dưa leo, khổ qua	0,7			0,7	0,9	1,7	0,4	HM
21	Vàng lá	5,8			5,8	5,8	7,2	3,3	TĐ, HM
	Tổng	613,1			613,1	611,0	585,6	373,5	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT